

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 27.4.2021

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản
và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Trần Thúy Kiên
 2. Bà Thái Ánh Trinh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2018/DS.ST ngày 20/12/2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 763/2020/QĐXX-ST ngày 03/11/2020 và Thông báo mở phiên tòa số: 348/2021/TB.TA ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
 - 1.1. Ông **Trịnh Công S** sinh năm 1944
Nơi cư ngụ: khu vực A, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.
 - 1.2. Bà **Trịnh Thị Mỹ C** sinh năm 1940
Nơi cư ngụ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang.
 - 1.3. Anh **Nguyễn Liên H** sinh năm 1967
Nơi cư ngụ: phường G, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - 1.4. Anh **Nguyễn Liên M** sinh năm 1970
Nơi cư ngụ: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Anh H, anh M ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lưu Ngọc T, sinh năm 1966 - địa chỉ: khu vực O, phường U, quận T, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 17.4.2018).
2. Bị đơn:
 - 2.1. Chị **Huỳnh Uyển N** sinh năm 1981
Nơi cư ngụ: khóm Q, phường K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - 2.2. Bà **Trịnh Mỹ H** sinh năm 1936

Nơi cư ngụ: khóm R, phường T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp bị đơn: ông Phạm Hữu H, sinh năm 1963 - địa chỉ: ấp L, xã E, huyện C, tp. Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 04.01.2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Cao Thị Hồng C** sinh năm 1967

Nơi cư ngụ: khóm R, phường K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3.2. Ông **Trịnh Việt B** sinh năm 1956

3.3. Bà **Nguyễn Thị Tuyết V** sinh năm 1957

Nơi cư ngụ: khu vực A, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.4. **Ủy ban nhân dân Quận T**

Địa chỉ trụ sở: khu vực P, phường I, quận T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền có: ông Võ Thanh H, sinh năm 1972, chức vụ Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận T.

3.5. **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ**

Địa chỉ trụ sở: phường N¹, quận N², thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền có: bà Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1975, chức vụ: Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

* Có yêu cầu độc lập:

3.6. Ông **Trịnh Thanh H (chết)** sinh năm 1950

Nơi cư ngụ: khu vực A, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

Có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm:

3.6.1. Bà **Nguyễn Thị Huỳnh H¹ (vợ ông H)** sinh năm 1952

Nơi cư ngụ: phường 1, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

3.6.2. Anh **Trịnh Văn N (con ông H)** sinh năm 1976

Nơi cư ngụ: phường 1, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng:

Bà **Nguyễn Thị L** sinh năm 1959

Cư ngụ: khu vực A, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên/bị đơn có mặt; Người liên quan và Người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11.6.2018, khởi kiện bổ sung ngày 01.6.2020 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn ông **Trịnh Công S** và bà **Trịnh Thị Mỹ C** trình bày: Cha mẹ của ông bà là cụ **Trịnh Nguơn Đ** (chết năm 1978) và cụ **Võ Thị L** (chết năm 1993). Lúc sinh thời, cụ Đ và cụ L có 07 người con chung gồm: **Trịnh Thị N**, **Trịnh Như K**, **Trịnh Mỹ H**, **Trịnh Mỹ C**, **Trịnh Công S**, **Trịnh Liên N** và **Trịnh Thanh H**; Ngoài ra các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Quá trình chung sống, cha mẹ tạo lập được phần đất có diện tích 1^{ha}30.00 theo chứng thư cấp quyền sở hữu ngày 05.11.1971 do chính quyền chế độ cũ cấp, hiện nay gồm các thửa:

- Thửa số 506, diện tích 4.000m², tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01006 ngày 18.01.2013 do UBND quận T cấp cho chị Huỳnh Uyển N đứng tên quyền sử dụng;

- Thửa số 507, diện tích 3.267,6m², tờ bản đồ số 03 theo giấy đất số CH01005 ngày 18.01.2013 do UBND quận T cấp cho chị Huỳnh Uyển N đứng tên quyền sử dụng;

- Thửa số 2130, diện tích 2.828,7m², tờ bản đồ số 03 theo giấy đất số CH01003 ngày 18.01.2013 do UBND quận T cấp cho chị Cao Thị Hồng C đứng tên quyền sử dụng;

- Thửa số 2131, diện tích 983,1m², tờ bản đồ số 03 theo giấy đất số CS02772 ngày 09.4.2019 do Sở TNMT tp. Cần Thơ cấp cho chị Cao Thị Hồng C đứng tên quyền sử dụng.

Tổng diện tích thực tế là 11.079,4m² - đất tọa lạc tại khu vực A, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

Năm 1995 bị đơn bà Trịnh Mỹ H kê khai đăng ký toàn bộ các thửa đất này nhưng nguyên đơn không biết. Năm 2012 bà H tặng cho một phần cho ông H, chuyển nhượng một phần cho chị C, còn lại sau đó chuyển nhượng cho chị Huỳnh Uyển N.

Do di sản để lại chưa chia nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy giấy đất cấp lần đầu cho bà bà H, chị N (thửa 506, 507) và của chị C (thửa 2031) để chia thừa kế theo pháp luật - yêu cầu được nhận hiện vật. Đối với thửa 2130 nguyên đơn không yêu cầu chia.

** Tại đơn khởi kiện ngày 11.6.2018, khởi kiện bổ sung ngày 01.6.2020 cũng như quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Liên H và anh Nguyễn Liên M (có ông Lưu Ngọc T đại diện ủy quyền) trình bày: Anh H và anh M là người thừa kế thế vị của cụ Đ và cụ L. Lúc sinh thời, các cụ có 07 người con chung là Trịnh Thị N, Trịnh Như K, Trịnh Mỹ H, Trịnh Mỹ C, Trịnh Công S, Trịnh Liên N, (chết, có con là Nguyễn Liên H và Nguyễn Liên M) và Trịnh Thanh H.*

Quá trình chung sống, cụ Đ cụ L được công nhận phần đất diện tích 13.000m² theo Chứng khoán và Chứng thư cấp quyền sở hữu cùng ngày 05.11.1971 của nhà nước Việt nam cộng hòa, đất gồm các thửa số 506 và thửa 507 hiện nay do bị đơn Huỳnh Uyển N đứng tên giấy đất, thửa số 2130 và số 2131 do Cao Thị Hồng C đứng tên quyền sử dụng - đất tại khu vực A, phường N, quận T.

Do di sản để lại chưa chia nên anh H và anh M yêu cầu hủy giấy đất cấp lần đầu cho bà bà H, sau đó cấp cho chị N (thửa 506, 507) và của chị C (thửa 2031) để chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu được nhận hiện vật. Không yêu cầu chia di sản thửa 2130.

** Tại tờ tự khai ngày 08.01.2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trịnh Mỹ H (có ông Phạm Hữu H đại diện ủy quyền) trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Trịnh Ngươn Đ và cụ Võ Thị L được chế cũ cấp đất theo luật người cày có*

ruộng. Trước năm 1975 cha mẹ nguyên/bị đơn cầm cố đất này cho cụ Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L, thời hạn cố là 03 năm. Do cha mẹ không khả năng chuộc đất nên thống nhất để bà H chuộc đất và sử dụng ổn định từ năm 1976 đến nay. Đến năm 1989-1990 bà H kê khai và được cấp giấy đất. Năm 2013 bà H tách một phần cho chị C và ông H (sau này ông H chuyển nhượng tiếp cho chị C); Năm 2017 bà H chuyển nhượng thửa 506 và 507 cho chị Huỳnh Uyên N theo quy định pháp luật.

Qua yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý do đất này bà Trịnh Mỹ H là chủ sử dụng, đứng tên giấy đất từ năm 1995 (trước đó là sổ địa chính) nên hiện nay tài sản không phải di sản thừa kế của cha mẹ đương sự để lại.

** Tại tờ tự khai ngày 08.01.2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Uyên N (có ông Phạm Hữu H đại diện ủy quyền) trình bày:* Trước đây bà Trịnh Mỹ H vay thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP A - chi nhánh An Giang với tài sản đảm bảo là thửa đất số 506 và 507. Theo thỏa thuận thì chị N thanh toán nợ thay và nhận chuyển nhượng thửa 506 và 507 từ bà H. Nay qua yêu cầu chia tài sản thừa kế thì bị đơn không đồng ý vì đất này chị N nhận chuyển nhượng hợp pháp và được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng chính thống.

** Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 08.4.2019 và quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thanh H trình bày:* Ông là con của cụ Đ và cụ L. Lúc sinh thời cha mẹ tạo lập phần đất thửa 506, 507, cha mẹ chết không để lại di chúc nhưng bà H tự đăng ký và đứng tên chủ sử dụng đất từ năm 1995.

Ngày 03.01.2013, ông H được bà H tặng cho một phần diện tích 983,1m² tách thành thửa 2131 theo giấy đất số BM 372520 (số vào sổ CH01004) ngày 18.01.2013. Đến ngày 22.01.2019 ông H tiếp tục chuyển nhượng lại cho chị Cao Thị Hồng C theo giấy đất số CS02772 ngày 09.4.2019 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp.

Do tài sản cha mẹ để lại chưa chia nên ông H yêu cầu độc lập để yêu cầu hủy giấy đất số 000344 của bà Trịnh Mỹ H cấp ngày 06.5.1995 (cấp lần đầu), yêu cầu hủy giấy đất của chị N (thửa 506, 507) và của chị C (thửa 2131) để chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết, ông Trịnh Thanh H chết, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Nguyễn Thị Huỳnh H (vợ) và anh Trịnh Văn N (con) trình bày: Thống nhất theo yêu cầu độc lập của ông H. Theo đó, yêu cầu hủy giấy đất số 000344 ngày 06.5.1995 của bà Trịnh Mỹ H và giấy đất số CH01006 ngày 18.01.2013, số CH01005 ngày 18.01.2013 do Huỳnh Uyên N đứng tên quyền sử dụng; số CS02772 ngày 09.4.2019 do Cao Thị Hồng C đứng tên quyền sử dụng để chia tài sản thừa kế theo quy định pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26.8.2020 và quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị Hồng C trình bày:* Chị là chủ sử dụng phần đất thửa số 2131 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02772 ngày 09.4.2019, diện tích 983,1m² do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp

cho bà Cao Thị Hồng C đứng tên sử dụng. Ngoài ra, chị còn là chủ sử dụng thửa đất số 2130 theo giấy đất số CH01003 ngày 18.01.2013, diện tích 2.828,7 m² do UBND quận T cấp cho Cao Thị Hồng C đứng tên sử dụng.

Đất này chị nhận chuyển nhượng hợp pháp năm 2012 (thửa 2130) từ bà Trịnh Mỹ H và nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông Trịnh Thanh H (thửa 2131) vào năm 2019. Nay các đương sự cho rằng thửa 2131 là di sản thừa kế của cụ Đ và cụ L để lại thì chị không đồng ý nên không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và người liên quan.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24.8.2020, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Việt B và bà Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:* Vào năm 2010, ông bà thỏa thuận với bà H để thuê phần đất thửa 507 canh tác lúa, giá thuê 5.000.000 đồng/năm, thời hạn nhận thuê 01 năm. Hiện nay ông bà đang trực tiếp canh tác thửa đất này. Trường hợp Tòa án giải quyết giao đất thì ông bà chấp hành mà không phải tranh chấp với bên cho thuê. Ông bà không yêu cầu độc lập trong vụ kiện.

** Tại tờ tự khai ngày 02.11.2020 và quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Thanh H đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận T trình bày:* Năm 2017, quá trình bà Trịnh Mỹ H lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Uyển N thì không có khiếu nại hay tranh chấp nào liên quan. Do vậy chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Thốt Nốt chỉnh lý ngày 23.6.2017 vào trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01005 và CH01006 ngày 18.01.2013 cho bà Huỳnh Uyển N đứng tên quyền sử dụng là đúng trình tự, thủ tục, đối tượng theo quy định tại điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Mỹ H và sau này là bà Huỳnh Uyển N là đúng quy định pháp luật nên ý kiến giữ nguyên giấy đất đã cấp.

** Tại Công văn số 3973 ngày 25.12.2020 và số 1170 ngày 14.4.2021, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ trình bày ý kiến:*

- Ngày 03.01.2012, bà Trịnh Mỹ H lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thanh H với diện tích 983,1m² thửa 2131. Do đó, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01004 ngày 18.01.2013;

- Ngày 22.01.2019, ông Trịnh Thanh H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất trên cho bà Cao Thị Hồng C nên bà C được Sở tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02772 (số seri CQ401496) ngày 09.4.2019. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị Hồng C đã đảm bảo quy định theo Luật đất đai 2013, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19.6.2014 và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29.9.2017 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

- Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tp. Cần Thơ ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Cao

Thị Hồng C là đáp ứng các điều kiện thực hiện các quyền quy định tại điều 188 Luật đất đai 2013 và không thuộc một trong các trường hợp không được cấp giấy chứng nhận được quy định tại điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ/CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ; Trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy định tại điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ/CP ngày 15.5.2014. Do đó, đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ401496 (số vào sổ CS02772) ngày 09.4.2019 là chưa đủ cơ sở thực hiện.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn/bị đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu ban đầu. Đồng thời Nguyên đơn đề nghị áp dụng tiểu mục 1.1 và 1.2 mục 1 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10.8.2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao làm căn cứ để chia di sản thừa kế; Bị đơn cho rằng đất không phải di sản thừa kế nên không đồng ý hủy giấy đất để chia theo yêu cầu nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Do không có căn cứ hủy giấy đất và chia thừa kế nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu độc lập của người liên quan về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:*

Các nguyên đơn cho rằng: Lúc sinh thời, cụ Trịnh Ngươn Đ (chết năm 1978) và cụ Võ Thị L (chết năm 1993) được công nhận tài sản là phần đất diện tích 1^{ha}30.00 theo chứng thư cấp quyền sở hữu ngày 05.11.1971 do chính quyền chế độ cũ (Việt nam cộng hòa) cấp. Các cụ chết không để lại di chúc nhưng vào năm 1995 bà Trịnh Mỹ H tự ý đăng ký sử dụng toàn bộ diện tích đất này và được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000344 ngày 06.5.1995 (hiện nay đất đã được chuyển giao và xác lập quyền sử dụng cho chị N và chị C đứng tên Giấy chứng nhận) nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật và hủy Quyết định cá biệt đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận) lần lượt đứng tên sử dụng là Cao Thị Hồng C, Huỳnh Uyên N và Trịnh Mỹ H. Quá trình giải quyết, ông Trịnh Thanh H yêu cầu độc lập về tranh chấp di sản

thừa kế thừa số 506, số 507 của chị N và thừa 2131 của chị C, yêu cầu hủy các Giấy đất trên. Còn bị đơn thì cho rằng: tài sản đã được định đoạt, chuyển giao chủ sử dụng nên không còn là di sản của người chết để lại chưa chia và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện/yêu cầu độc lập.

Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 điều 26, điều 34, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huỳnh H, anh Trịnh Văn N, chị Cao Thị Hồng C, ông Trịnh Việt B, bà Nguyễn Thị Tuyết V, ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Ngọc K và người làm chứng bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3]. *Xác định tư cách tham gia tố tụng*:

/ Ngày 08.4.2019, ông Trịnh Thanh H yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế. Đến ngày 11.3.2021 ông H chết nên phát sinh người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H. Theo đó, xác định bà Nguyễn Thị Huỳnh H, anh Trịnh Văn N là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

/ Do ông H là đối tượng được trợ giúp pháp lý nên quá trình giải quyết vụ án Trợ giúp viên pháp lý ông Bùi Xuân N được phân công là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H. Do ông H chết nên theo Thông báo số 100/TB-TGPL ngày 09.4.2021 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở tư pháp tp. Cần Thơ thì ông N không còn bảo vệ quyền và lợi ích cho ông H. Do đó, Hội đồng xét xử không xác định tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích đương sự của ông N trong vụ án.

[4] *Xét tranh chấp di sản thừa kế của đương sự*:

[4.1] Về yêu cầu chia thừa kế:

4.1.1. Xét về tài sản:

Theo Sổ mục kê và Sổ đăng ký ruộng đất ngày 06/7/1991 ghi nhận: bà Trịnh Mỹ H được thống kê/dăng ký là chủ sử dụng ruộng đất chính thức đối với thửa 506, 507 có tổng diện tích 10.566 m² (bút lục: 56, 57) nên bà H đã được ghi nhận quyền của người sử dụng đất trong Sổ mục kê và Bản đồ địa chính (từ cơ sở kê khai thống kê theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10.11.1980) và đã được cấp quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E645562 (số vào sổ 000344.QSĐĐ) ngày 06/5/1995 (có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 23/3/1995).

Theo bà H, tài sản có nguồn gốc của cha mẹ tạo lập, nhưng do thời điểm đó gia đình khó khăn lại con đông nên cha mẹ có cầm cố đất này cho ông Nguyễn Văn T (đã

chết) có bà Nguyễn Thị L (con ông T chứng kiến và trực tiếp canh tác lúa), với thời hạn 03 năm, giá tiền cổ là 150.000 đồng. Đến hạn, cha mẹ không có tiền chuộc nên đồng ý để bà H chuộc đất và xác lập quyền đối với tài sản.

Tiến trình tố tụng, bà Nguyễn Thị L có lời khai như sau: Vào năm 1973, cha bà L là cụ Nguyễn Văn T có nhận cầm cố đất của cụ Trịnh Nguơn Đ và cụ Võ Thị L thửa 506, 507 với giá 150.000 đồng, thời hạn cố 03 năm, bà L trực tiếp canh tác sử dụng trong thời gian cầm cố. Đến khi hết thời hạn cố đất, do cụ Đ cụ L không có tiền chuộc đất nên đồng ý để bà Trịnh Mỹ H chuộc đất, bà H giao tiền chuộc cho cụ T rồi nhận đất canh tác.

Như vậy, lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị L được xem là vô tư khách quan để xác định tình tiết sự việc.

Hơn nữa, vào thời điểm thống kê ruộng đất năm 1991, cụ L vẫn còn sống nhưng không có ý kiến gì về việc ghi nhận chủ sử dụng chính thức đối với bà H. Như vậy, được xem như đã xác lập quyền đối với tài sản cho bà H là thật, phù hợp điều 12 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23.3.1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật đất đai 1987 và điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013 hiện hành.

Bên cạnh đó, đến năm 1995 bà H làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận cùng thời điểm, nhưng không có bất kỳ sự khiếu nại hay tranh chấp nào liên quan. Thực tế, ông Trịnh Thanh H (em ruột) có được bà H thực hiện việc tặng cho một phần diện tích 983,1 m² theo Giấy chứng nhận số CH01004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 18/01/2013. Xét việc tặng cho là quyền tự định đoạt đối với tài sản của chủ sử dụng đất nên không xem xét; tuy nhiên, kể từ thời điểm tặng cho ngày 03.01.2012, ông H cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc được cấp Giấy đối với phần đất cha mẹ để lại. Nên có cơ sở tin về tài sản đã được định đoạt chuyển giao khi cụ L còn sống là vững chắc.

4.1.2. Xét quyền khởi kiện/yêu cầu độc lập:

Đương sự khởi kiện và yêu cầu độc lập về chia di sản thừa kế đối với diện tích theo giấy 8.250,7m², đo đạc thực tế là 7.933,7m² đất (thửa 506, 507 và 2131) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000344 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 06.5.1995 cho bà Trịnh Mỹ H đứng tên sử dụng (lần đầu) - Hiện nay đã được chuyển nhượng/tặng cho và lần lượt do chị Huỳnh Uyên N, chị Cao Thị Hồng C đứng tên chủ sử dụng đất.

Các đương sự thống nhất xác định: nguồn gốc tài sản do cha mẹ là cụ Trịnh Nguơn Đ (chết năm 1978) và cụ Võ Thị L (chết năm 1993) tạo lập, cha mẹ chết không để lại di chúc. Lúc sinh thời, cụ Đ và cụ L có 07 người con chung gồm: Trịnh Thị N, Trịnh Như K, Trịnh Mỹ H, Trịnh Mỹ C, Trịnh Công S, Trịnh Liên N (chết, có hai con là Nguyễn Liên H và Nguyễn Liên M) và Trịnh Thanh H. Ngoài ra các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Như vậy, việc cụ Đ chết năm 1978, không phát sinh tranh chấp đối với phần tài sản của cụ Đ được hưởng trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 10.9.1990 theo Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, thì cụ L còn sống tiếp tục quản lý, sử dụng và được xác lập quyền đối với tài sản này.

Tuy nhiên, như đã viện dẫn trên về quyền tài sản được xác lập đối với bà Trịnh Mỹ H nên không được xem là tài sản của người chết để lại chưa chia.

Do đó, trong vụ án cụ thể này, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại. Thực tế, tài sản tại thời điểm yêu cầu do chị Huỳnh Uyển N và chị Cao Thị Hồng C đứng tên sử dụng (theo Hợp đồng tặng cho, Hợp đồng chuyển nhượng lần lượt với bà Trịnh Mỹ H, ông Trịnh Thanh H theo đúng trình tự, thủ tục luật định - bút lục: 344, 345, 350, 356, 357, 360). Lẽ ra, yêu cầu của đương sự thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện về chia thừa kế (tài sản của người chết để lại chưa chia); nhưng do đã được Tòa án làm việc để giải thích về quyền, nghĩa vụ liên quan nhưng đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế. Do đó, căn cứ việc Tòa án không được từ chối giải quyết yêu cầu của đương sự nên vụ án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Với những phân tích về tài liệu, chứng cứ chứng minh mà người khởi kiện/yêu cầu có nghĩa vụ cung cấp chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nhưng ở đây đương sự không đáp ứng đảm bảo theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của đương sự theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Xuất phát từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000344 do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp ngày 06/5/1995 cho bà Trịnh Mỹ H đứng tên chủ sử dụng.

Quá trình quản lý sử dụng, bà H lần lượt việc định đoạt như sau:

- *Thứ nhất*, đối với thửa 2131:

+ Ngày 03/01/2012, bà Trịnh Mỹ H lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thanh H với diện tích 983,1m² thửa 2131. Do đó, ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01004 ngày 18.01.2013;

+ Ngày 22/01/2019, ông Trịnh Thanh H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất trên cho bà Cao Thị Hồng C nên bà C được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02772 ngày 09/4/2019.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị Hồng C đã đảm bảo quy định theo Luật đất đai 2013 và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19.6.2014 và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29.9.2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Thứ hai*, đối với thửa 506 và 507:

Năm 2017, quá trình bà Trịnh Mỹ H lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Uyển N, không có khiếu nại hay tranh chấp nào liên quan. Nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Thốt Nốt chỉnh lý ngày 23/6/2017 vào trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01005 và CH01006 ngày 18/01/2013 cho bà Huỳnh Uyển N đứng tên quyền sử dụng là đúng trình tự, thủ tục, đối tượng theo quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ.

Xét từ chủ thể xác lập quyền đến việc sử dụng định đoạt là tự nguyện; Từ đó, thiết lập thành trình tự, thủ tục công nhận quyền của chủ sử dụng đất, không có căn cứ cho rằng việc ban hành Quyết định cá biệt (cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là trái pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu của đương sự về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với thửa đất số 2130, diện tích 2.828,7 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01003 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 18.01.2013 cho Cao Thị Hồng C đứng tên sử dụng, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đối với việc thuê/cho thuê phần đất tại thửa 507 để canh tác lúa giữa bà Trịnh Mỹ H với vợ chồng ông bà Trịnh Việt B, Nguyễn Thị Tuyết V, các đương sự không có yêu cầu/ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những viện dẫn trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[7] *Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính:* Bao gồm, chi phí thẩm định + trích đo địa chính lần thứ nhất là: 12.000.000 đồng (nguyên đơn nộp tạm ứng), chi phí thẩm định + trích đo địa chính lần thứ hai là: 4.000.000 đồng (ông Hà nộp tạm ứng). Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người liên quan nên nguyên đơn và người liên quan phải chịu toàn bộ các chi phí trên.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Nguyên đơn ông Trịnh Công S, bà Trịnh Thị Mỹ C và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thanh H (trên 60 tuổi) nên được miễn án phí dân sự do thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Liên H, anh Nguyễn Liên M phải chịu án phí không giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 91, 147, 165, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Công S, bà Trịnh Thị Mỹ C, anh Nguyễn Liên H, anh Nguyễn Liên M và yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thanh H (*có người kế thừa: bà Nguyễn Thị Huỳnh H, anh Trịnh Văn N*) về việc yêu cầu chia di sản thừa kế và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bị đơn chị Huỳnh Uyển N và bà Trịnh Mỹ H.

(Gửi kèm Trích đo địa chính số: 20/TTKTTNMT ngày 12.3.2019 và số: 90/TTKTTNMT ngày 18.9.2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ và Biên bản thẩm định).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Trịnh Công S, bà Trịnh Thị Mỹ C và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thanh H nên ông S được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/012216 ngày 02.6.2020, bà C được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/012217 ngày 02.6.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

./ Ông Trịnh Công S được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/004378 ngày 17.12.2018 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/012216 ngày 02.6.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

./ Bà Trịnh Thị Mỹ C được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/004377 ngày 17.12.2018 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/012217 ngày 02.6.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

- Anh Nguyễn Liên H và anh Nguyễn Liên M phải nộp: 300.000 đồng. Khấu trừ 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/004376 ngày 17.12.2018 và 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/004375 ngày 17.12.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T nên anh H và anh M mỗi người được nhận lại 150.000 đồng.

Anh Nguyễn Liên H và anh Nguyễn Liên M được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/012218 ngày 02.6.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính:

- Nguyên đơn ông Trịnh Công S, bà Trịnh Thị Mỹ C và anh Nguyễn Liên H (+ anh Nguyễn Liên M) mỗi người phải chịu 4.000.000 đồng - đã thực hiện xong.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thanh H (*có người kế thừa bà Nguyễn Thị Huỳnh H, anh Trịnh Văn N*) phải chịu 4.000.000 đồng - đã thực hiện xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận Thốt Nốt.
- THA quận Thốt Nốt.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền